TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 435/2026/QĐST-HNGĐ	*Tp.HCM, ngày 03 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ vào các điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Điều 55, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 490/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Lê Hữu N,sinh năm 1970.

Căn cước công dân số: 026070010257.

Địa chỉ: Số D Khu phố M, khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Ngô Thị Phương T, sinh năm 1972.

Căn cước công dân số: 001172020676.

Địa chỉ: Số D Khu phố M, khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Hữu Nvà bà Ngô Thị Phương T được xác lập vào năm 2003, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp, do đó khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình chung sống giữa ông Lê Hữu Nvà bà Ngô Thị Phương T được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, cả hai đều nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên tự nguyện thuận tình ly hôn và yêu cầu

Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phát sinh việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét thấy tình cảm giữa ông Lê Hữu Nvà bà Ngô Thị Phương T đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của ông Lê Hữu Nvà bà Ngô Thị Phương T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, xét thấy nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông Lê Hữu Nvà bà Ngô Thị Phương Tcó 01 (một) con chung là Lê Gia K,sinh ngày 21/01/2004 (đã thành niên).

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có nợ chung.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Ông Lê Hữu Nvà bà Ngô Thị Phương T chịu lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

[7] Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Hữu Nvà bà Ngô Thị Phương T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 81, Quyển số 01 ngày 07/4/2003 do Ủy ban nhân dân Phường Ô,quận Đ, thành phố Hà Nội cấp).

- Về con chung: Ông Lê Hữu Nvà bà Ngô Thị Phương Tcó 01 (một) con chung là Lê Gia K,sinh ngày 21/01/2004 (đã thành niên).

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ chung.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Lê Hữu Nvà bà Ngô Thị Phương T cùng liên đới chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu ký hiệu BLTU/26E, số 0024119 ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông Lê Hữu Nvà bà Ngô Thị Phương T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – Tp.HCM;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ TK Đức.

THẨM PHÁN

Bùi Viết Bình

TAND KHU VỰC 6
IMW220426.TL.QDBA
6465